

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG

Số: 01-23/TTK/CQY-ĐA

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Số 05/2021/TT-BQP ngày 21/01/2021 quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; số 74/2023/TT-BQP ngày 11/10/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2021/TT-BQP ngày 21/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; số 175/2019/TT-BQP ngày 25/11/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn công tác quản lý giá trong Bộ Quốc phòng;

Căn cứ các quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Số 5385/QĐ-BQP ngày 19/12/2022 ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp Bộ Quốc phòng; số 5418/QĐ-BQP ngày 21/12/2022 của Bộ Quốc phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023; Số 4811/QĐ-BQP ngày 04/10/2023 về việc phê duyệt dự toán mua sắm trang bị ngành Quân y theo phương thức tập trung bằng cách thức ký thỏa thuận khung năm 2023 và số 4812/QĐ-BQP ngày 04/10/2023 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm trang bị ngành Quân y theo phương thức tập trung bằng cách thức ký thỏa thuận khung năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4902/QĐ-QY ngày 01/12/2023 của Cục trưởng Cục Quân y về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản ngành quân y theo phương thức tập trung bằng cách thức ký thỏa thuận khung năm 2023; Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số 4907/Tct-QY ngày 01/12/2023;

Căn cứ Biên bản thương thảo thỏa thuận khung số 01-23 MSTT/CQY-ĐA ngày 28/11/2023 giữa Cục Quân y-Tổng cục Hậu cần và Công ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Đại An.

Hôm nay, ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại cơ quan Cục Quân y, chúng tôi đại diện cho các bên ký thỏa thuận khung gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A):

Tên đơn vị mua sắm tập trung: **CỤC QUÂN Y - TỔNG CỤC HẬU CẦN - BỘ QUỐC PHÒNG**

Địa chỉ: Số 276 Nghi Tàm, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 069 551 932.

Fax: 0243 7 184 625.

Tài khoản: 3711 1905 2531 00000, tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội.

Đại diện: Ông Nguyễn Trường Giang

Chức vụ: Cục trưởng.

II. Nhà thầu cung cấp hàng hóa (Bên B):

Tên nhà thầu: **CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI AN**

Giấy đăng ký doanh nghiệp: 0101454338

Địa chỉ: Số 5, dãy N1, tập thể Học viện Chính trị quân sự, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.220.2248

Tài khoản: 0801100533009 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Đại diện: **Ông Đỗ Đức Thịnh** Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tập trung với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

Tên hàng hóa, số lượng, giá của hàng hóa theo biểu phạm vi cung cấp (Phụ lục 1).

Điều 2. Danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa (sau đây gọi là đơn vị sử dụng) như phụ lục 2 kèm theo.

Điều 3. Giá hàng hóa

Tổng giá trị hàng hóa ký kết trong thỏa thuận khung là: **11.194.650.000** đồng (*bằng chữ: Mười một tỷ, một trăm chín mươi tư triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Đơn giá, giá hàng hóa tương ứng với từng loại hàng hóa tại Điều 1 của thỏa thuận khung.

Điều 4. Tạm ứng, thanh toán

1. Tạm ứng

- Đơn vị sử dụng sẽ chuyển cho bên B 30% tổng giá trị hợp đồng ngay sau khi nhận được Bảo lãnh tiền tạm ứng có giá trị bằng 30% tổng giá trị hợp đồng với thời hạn bằng thời hạn giao hàng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Bên B hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

- Bên B chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện hợp đồng giữa đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và bên B. Bên B phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản. Bên B sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.

- Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho bên B, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.

2. Thanh toán

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản

- Đơn vị sử dụng có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho bên B toàn bộ giá trị hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành bàn giao nghiệm thu hàng hóa và

đơn vị sử dụng tài sản nhận đủ chứng từ đề nghị thanh toán của bên B. Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật, thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản. Giá trị thanh toán sẽ được đối trừ tương ứng với giá trị tạm ứng trước đó.

- Đồng tiền thanh toán là: đồng Việt Nam.

Điều 5. Thanh lý thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung được nghiệm thu, thanh lý khi bên A nhận được đầy đủ các bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản đã được ký kết giữa bên B và đơn vị sử dụng và khi thời gian bảo hành của bên B đối với hàng hóa đã hết.

- Việc nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký kết giữa bên B và đơn vị sử dụng.

Điều 6. Thời gian, địa điểm bàn giao hàng hóa (dự kiến)

1. Thời gian giao hàng hóa: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực.

2. Địa điểm giao hàng hóa: tại đơn vị sử dụng, theo địa chỉ quy định tại Điều 2 của thỏa thuận khung này.

Điều 7. Bảo hành, bảo trì; đào tạo, hướng dẫn sử dụng hàng hóa

1. Điều kiện bảo hành, bảo trì.

a) Thời gian, địa điểm bảo hành

- Thời hạn bảo hành: Bên B có nghĩa vụ bảo hành hàng hóa trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu tài sản.

- Địa điểm bảo hành: Tại các đơn vị sử dụng.

b) Điều kiện bảo hành

- Hàng hóa được bảo hành bởi bên B và nhà sản xuất. Bên B có nghĩa vụ yêu cầu nhà sản xuất bảo hành sản phẩm theo đúng thời hạn đã công bố tại thời điểm đã nộp hồ sơ dự thầu.

- Bên B bảo hành hàng hóa nếu có lỗi của nhà sản xuất theo quy định.

- Bên B không bảo hành trong các trường hợp: Lỗi của đơn vị sử dụng, hoặc hàng hóa mất nhãn hiệu, tem bảo hành; do người sử dụng tự ý sửa chữa, thay đổi linh kiện; hỏng hóc do thiên tai, do côn trùng; điện áp không ổn định; địch họa và các trường hợp bất khả kháng khác.

- Cơ chế giải quyết hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: Khi có các phát sinh hư hỏng, khuyết tật, đơn vị sử dụng báo ngay bằng văn bản hoặc qua điện thoại cho bên B về các hư hỏng, khuyết tật phát sinh. Trong thời hạn 48 giờ tiếp theo, bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật. Nếu bên B không khắc phục được thì phải tiến hành thay thế bằng linh kiện, thiết bị khác có tính năng tương đương, chất lượng bằng hoặc cao hơn mà không được yêu cầu thanh toán. Mọi chi phí thực tế phát sinh để phục vụ bảo hành thiết bị bên B sẽ chi trả (đối với lỗi của nhà sản xuất). Ngoài các chi phí để khắc phục lỗi do nhà sản xuất, các chi phí sửa chữa, thay thế khác sẽ do đơn vị sử dụng thanh toán cho bên B trên cơ sở chứng từ thực tế phát sinh.

c) Bảo đảm việc thực hiện bảo hành

- Bên B nộp cho bên A một khoản bảo đảm bằng bảo lãnh ngân hàng cho việc thực hiện bảo hành với số tiền là 5% tổng giá bán tài sản, tương ứng với số tiền là 559.732.500 đồng (*bằng chữ: Năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm*

đồng).

- Hiệu lực của bảo đảm: 12 tháng kể từ ngày hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu.

- Thời gian hoàn trả: Bảo đảm việc thực hiện bảo hành sẽ được hoàn trả cho bên B trong thời hạn 10 ngày sau khi hàng hóa hết thời hạn hoàn thành nghĩa vụ bảo hành của bên B. Căn cứ vào hợp đồng giữa đơn vị sử dụng và bên B. Bên B sẽ có văn bản xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ bảo hành của bên B làm cơ sở hoàn trả bảo đảm việc thực hiện bảo hành.

- Bên B phải khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành cho các đơn vị sử dụng mới được bên A hoàn trả bảo đảm việc thực hiện bảo hành.

2. Đào tạo, hướng dẫn sử dụng hàng hóa.

Bên B có trách nhiệm phối hợp với đại diện các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của bên B

a) Quy định chung

- Ký hợp đồng mua sắm tài sản với các đơn vị sử dụng; hợp đồng mua sắm tài sản được thành lập bằng văn bản theo mẫu Mẫu số 05a/TSC-MSTT kèm theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm cung cấp tài sản cho các đơn vị sử dụng đảm bảo mới 100%, sản xuất năm 2023, đồng bộ, nguyên chiếc, nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất, đúng chủng loại, số lượng tại Điều 1.

- Khảo sát địa điểm, đóng gói, vận chuyển, bàn giao và lắp đặt tài sản cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản theo đúng yêu cầu và thời gian đã cam kết tại hợp đồng mua sắm tài sản được hai bên ký kết.

- Mọi hư hỏng, mất mát trong quá trình vận chuyển hàng hóa do bên B chịu trách nhiệm.

- Ký các biên bản bàn giao, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản; định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện với bên A.

- Có trách nhiệm bảo hành tài sản theo đúng quy định của nhà sản xuất và cam kết của bên B.

- Có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các tài liệu để tiến hành nghiệm thu, bàn giao, giám định và hoàn tất thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết và nội dung khác đã ghi trong hồ sơ dự thầu.

b) Quyền của bên B

- Có quyền yêu cầu đơn vị sử dụng thanh toán theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn bảo hành, bên B có quyền từ chối không bảo hành với những trường hợp bên B không có trách nhiệm bảo hành quy định tại khoản 2 Điều 5 thỏa thuận khung này.

c) Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên B

- Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ chung nêu tại Mục 2.1

Điều này.

- Có trách nhiệm phát hành phiếu bảo hành cho toàn bộ tài sản và phát hành hóa đơn tài chính cho các đơn vị sử dụng.

2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị sử dụng.

a) Quyền của đơn vị sử dụng

- Ký hợp đồng mua sắm tài sản với bên B.

- Từ chối tiếp nhận tài sản nếu không phát hiện không đảm bảo đúng tên, chủng loại, xuất xứ theo thỏa thuận khung hoặc tài sản không đảm bảo về chất lượng cam kết.

- Yêu cầu, đôn đốc bên B khẩn trương khắc phục, sửa lỗi sai sót do bên B không kịp thời xử lý các yêu cầu khắc phục sự cố của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng.

- Yêu cầu bên B khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành.

- Thuê bên B cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong quá trình sử dụng.

b) Nghĩa vụ của đơn vị sử dụng

- Ký hợp đồng mua sắm tài sản với bên B ngay sau khi được bên A, đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung thông báo, hướng dẫn theo thỏa thuận khung và gửi 01 bản sao cho bên A.

- Chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho bên B thực hiện bàn giao và lắp đặt tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận phải lập thành biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản được ký kết giữa đơn vị sử dụng tài sản và bên B theo mẫu số 06/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Đơn vị sử dụng phải gửi 01 bản cho bên A.

- Bố trí cán bộ kiểm tra, tiếp nhận, theo dõi, giám sát việc bàn giao, tiếp nhận và lắp đặt tài sản; đảm bảo đúng yêu cầu của thỏa thuận khung; cùng bên B nghiệm thu tài sản và các hồ sơ, tài liệu liên quan.

- Phối hợp cùng bên B lập hồ sơ thanh quyết toán, thanh lý hợp đồng theo đúng quy định hiện hành.

- Tạm ứng và thanh toán cho bên B theo quy định tại hợp đồng đã ký sau khi ký biên bản nghiệm thu, thanh lý và bên B cung cấp hóa đơn tài chính.

- Theo dõi, hạch toán tài sản trên sổ kế toán, quản lý, sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của Nhà nước.

- Đơn vị sử dụng có quyền và nghĩa vụ khác không trái với quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của bên A.

a) Quyền của bên A

- Yêu cầu bên B xây dựng kế hoạch, liên hệ với các đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung và đơn vị sử dụng để ký hợp đồng mua sắm tài sản, bàn giao, tiếp nhận và hướng dẫn sử dụng tài sản.

- Yêu cầu đơn vị sử dụng từ chối tiếp nhận tài sản do bên B cung cấp nếu phát hiện không đảm bảo tên, xuất xứ, chất lượng đúng các chỉ tiêu trong hồ sơ mời thầu và không thực hiện đúng các cam kết đề xuất trong hồ sơ dự thầu và nội dung thỏa thuận khung.

- Yêu cầu, đơn đốc bên B khẩn trương khắc phục, sửa lỗi sai sót do thực hiện không đúng các chỉ tiêu trong hồ sơ mời thầu hoặc bên B không kịp thời xử lý các yêu cầu khắc phục sự cố của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng.

- Có quyền yêu cầu bên B thực hiện đúng cam kết và đề xuất của nhà thầu đã đưa ra trong hồ sơ dự thầu.

- Có quyền điều chỉnh tăng hoặc giảm giá trị toàn bộ gói thầu với tỷ lệ tối đa không quá 20% giá trị mời thầu.

- Giám sát việc thực hiện thỏa thuận khung, hợp đồng của bên B; tiếp nhận xử lý thông tin, phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản.

b) Nghĩa vụ của bên A

- Công khai việc mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; đăng tải thông tin về kết quả đấu thầu mua sắm tập trung đối với gói thầu nêu trên theo quy định.

- Thông báo bằng hình thức văn bản đến đầu mỗi đăng ký mua sắm tập trung để thông báo tới các đơn vị sử dụng biết thông tin về bên B, ký hợp đồng mua sắm tài sản với bên B.

- Bên A có quyền và nghĩa vụ khác không trái với quy định của pháp luật.

Điều 9. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung:

- Thỏa thuận khung có hiệu lực từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực cho đến khi hai bên có biên bản thanh lý (nhưng không quá 01 năm).

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các đơn vị sử dụng ký hợp đồng mua sắm tài sản với bên B.

Điều 10. Xử phạt do vi phạm thỏa thuận khung.

- Các bên cam kết thực hiện đúng theo thỏa thuận khung đã ký kết.

- Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì đơn vị sử dụng có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với 1,0% giá trị cho phần hợp đồng cho 01 tuần bị chậm cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Đơn vị sử dụng sẽ khấu trừ đến tối đa là 08% giá trị hợp đồng. Khi đạt đến mức tối đa, đơn vị sử dụng có thể xem xét chấm dứt hợp đồng. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho đơn vị sử dụng tài sản những chi phí vượt trội cho việc thực hiện hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, bên B vẫn phải thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.

- Trường hợp một bên vi phạm thỏa thuận khung gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại. Mức bồi thường thiệt hại trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Trường hợp bên B vi phạm thỏa thuận khung thì ngoài việc bồi thường thiệt hại (nếu có) cho bên A, bên B sẽ không được hoàn trả bảo đảm thực hiện thỏa thuận khung theo quy định.

Điều 11. Các nội dung liên quan khác.

1. Điều chỉnh thỏa thuận khung

- Việc điều chỉnh thỏa thuận khung chỉ được áp dụng trong thời gian thỏa thuận khung còn hiệu lực.

- Điều chỉnh khối lượng: Khối lượng danh mục tài sản điều chỉnh (tăng hoặc giảm) tối đa 20% khối lượng gói thầu (danh mục tài sản điều chỉnh hoặc bổ sung phải thuộc danh mục tài sản cung cấp tại Điều 1 của thỏa thuận khung, trong đó:

+ Trường hợp tổng giá trị gói thầu sau điều chỉnh không vượt quá giá trị toàn bộ gói thầu được duyệt: Hai bên thống nhất khối lượng điều chỉnh và ký bổ sung phụ lục thỏa thuận khung để triển khai thực hiện.

+ Trường hợp tổng giá trị gói thầu sau điều chỉnh vượt quá giá trị toàn bộ gói thầu được duyệt thì bên A phối hợp với đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung, đơn vị sử dụng thương thảo thống nhất với bên B, phần khối lượng và giá trị điều chỉnh; báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của bên B gây ra thì không được phép điều chỉnh.

- Những khối lượng phát sinh ngoài điều kiện quy định điều chỉnh ban đầu của thỏa thuận khung hoặc trường hợp cần phải có sự tham gia của cả hai bên trong thỏa thuận khung để ngăn ngừa, khắc phục các rủi ro thuộc trách nhiệm một bên thì hai bên cùng bàn bạc thống nhất cách xử lý.

- Hợp đồng mua sắm tài sản đối với khối lượng điều chỉnh được ký kết giữa đơn vị sử dụng và bên B.

- Việc nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua sắm đối với khối lượng điều chỉnh trên được thực hiện theo thực tế phát sinh và đảm bảo tổng khối lượng không quá 20% khối lượng mời thầu.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Bên B nộp cho bên A một khoản để bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận khung đã ký kết với số tiền 335.839.500 đồng (bằng 3% tổng giá trị hàng hóa) trước ngày thỏa thuận khung có hiệu lực; hình thức bảo đảm: Bảo lãnh ngân hàng; hiệu lực bảo đảm: 12 tháng kể từ ngày phát hành bảo lãnh (ngày thỏa thuận khung có hiệu lực).

- Bảo đảm hợp đồng được thanh toán cho bên A khi bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo thỏa thuận khung hoặc hợp đồng mua sắm tài sản đã ký.

3. Bất khả kháng

- Trong thỏa thuận khung, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong khoảng thời gian không thể thực hiện thỏa thuận khung do điều kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ thỏa thuận khung của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

- Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc chấm dứt thỏa thuận khung theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 của thỏa thuận khung này.

4. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

- Luật áp dụng đối với thỏa thuận khung là pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Trong quá trình thực hiện thỏa thuận khung, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng hòa giải. Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. Nếu các bên thương lượng, hòa giải không thành thì bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Mọi phán quyết của tòa án là điều bắt buộc thi hành đối với hai bên.

Thỏa thuận khung này được làm thành 34 bản có giá trị pháp lý như nhau; bên A và bên B (mỗi bên giữ 02 bản); gửi các bên có liên quan (mỗi bên 01 bản).

Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ký hợp đồng mua sắm hàng hóa với bên B./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Thiếu tướng Nguyễn Trường Giang

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đức Thịnh